(Ban hành kèm theo Quyết định số 751/2026/QĐ-TPB.RB của Tổng Giám đốc)

1. Biểu lãi suất cơ sở đối với Khách hàng cá nhân như sau:

Đvt: %/năm

Xác định lãi suất cho vay cơ sở	Lãi suất cho vay cơ sở VND
Lãi suất cơ sở KHCN kỳ hạn 1 tháng	9.65
Lãi suất cơ sở KHCN kỳ hạn 3 tháng	11.00
Lãi suất cơ sở KHCN kỳ hạn 6 tháng	11.10
Lãi suất cơ sở KHCN kỳ hạn 12 tháng	11.20
Lãi suất cơ sở cho vay ô tô KHCN	11.00
Lãi suất cơ sở 3M cho vay mua BĐS	11.00

2. Quy định việc áp dụng Lãi suất cơ sở như sau:

2.1 Đối với các khoản vay lãi suất cố định:

- Lãi suất cố định chỉ áp dụng với các khoản vay ngắn hạn. Các khoản vay trung, dài hạn bắt buộc áp dụng lãi suất điều chỉnh(sau thời gian cố định lãi suất ban đầu,nếu có)
- Mức lãi suất cho vay cơ sở áp dụng cho khoản vay sẽ tương ứng với thời hạn của khoản vay. Cụ thể như sau:

Thời hạn khoản vay	Kỳ Lãi suất cơ sở áp dụng
1 tháng	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 1 tháng
2,3 tháng	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 3 tháng
4,5,6 tháng	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 6 tháng
7, 8, 9, 10, 11, 12, > 12 tháng	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 12 tháng

2.2 Đối với các khoản vay lãi suất điều chỉnh:

- Đối với các khoản vay trung, dài hạn được mặc định tần suất điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần.
- Mức lãi suất cho vay cơ sở áp dụng cho khoản vay sẽ phụ thuộc vào tần suất điều chỉnh lãi suất hoặc phụ thuộc vào phương thức cho vay. Cụ thể như sau:

STT	Tần suất điều chỉnh lãi suất/ Phương thức cho vay	Kỳ Lãi suất cho vay cơ sở áp dụng
1	Các khoản vay có tần suất thay đổi lãi suất là 1,2,3 tháng/lần	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 3 tháng
2	Các khoản vay có tần suất thay đổi lãi suất là 4,5,6 tháng/lần	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 6 tháng
3	Các khoản vay có tần suất thay đổi lãi suất là 7, 8, 9, 10, 11, 12 tháng/lần	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 12 tháng
4	Các khoản vay theo Hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán, khoản vay theo Hạn mức Ứng sổ tiết kiệm	Lãi suất cho vay cơ sở KHCN kỳ hạn 3 tháng